TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 1199/2024/HS-PT
Ngày: 23 - 12 - 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Yên

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Công Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 1022/2024/TLPT-HS ngày 25 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Lê Xuân T. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 199/2024/HS-ST ngày 17/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- *Bị cáo kháng cáo*:

Lê Xuân T, Giới tính:Nam; Tên gọi khác: Không. Sinh ngày: 13/01/1990; Nơi sinh: tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. CMND số 273317448 cấp ngày 06/02/2012 tại Công an tỉnh B (CCCD G, nơi cấp Cục C3). Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã Đ, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không có việc làm ổn định. Trình độ học vấn: lớp 11/12. Cha: Lê C, sinh năm 1969, mẹ: Lưu Thị C1, sinh năm 1968; Gia đình có 03 anh em, bị can là con thứ nhất. Có vợ là Chu Hoàng Huyền T1, sinh năm 1992, có 03 con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2023.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt trong trường hợp quả tang ngày 08/5/2024, hiện nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo:*

Luật sư Vũ Duy N – Công ty L, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt)

Luật sư Võ Minh C2 – Công ty L, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Xuân T là người nghiện ma túy và không có việc làm ổn định, khoảng đầu tháng 02/2024, T quen biết một người phụ nữ tên H (chưa rõ nhân thân lai lịch) qua một người bạn ngoài xã hội. Sau đó, H đã nhiều lần liên lạc với T để nhờ thuê xe ô tô chở H đi lấy ma túy, cụ thể như sau:

Trong tháng 4/2024, Lê Xuân T đã 02 lần đến Công ty trách nhiệm hữu hạn C4 (địa chỉ: phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) thuê ô tô hiệu Toyota, loại 7 chỗ với giá 700.000 đồng để chở Hiền từ khu vực ngã ba M, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đi lấy ma túy tại nhiều địa điểm và T được H trả tiền công và cho ma túy sử dụng.

- Lần một: Vào đầu tháng 4/2024 (không nhớ rõ ngày), T chở H đến khu vực chợ P, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh để lấy ma túy. Sau khi xong việc, H đưa cho T 01 gói ma túy đá (không xác định được khối lượng, đựng trong vỏ bao thuốc lá hiệu 555) để sử dụng và 2.000.000 đồng để thanh toán tiền thuê xe ô tô (hết 700.000 đồng) và trả công cho T, đồng thời H đưa cho T 01 điện thoại di động hiệu Iphone đã qua sử dụng (số I 355315086356287) đã được H cài đặt sẵn một tài khoản zalo tên "BigOne" để liên lạc với T.

- Lần hai: Vào cuối tháng 4/2024 (không nhớ rõ ngày), T chở H đến khu vực gần Tòa T Tây Ninh, phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh để lấy ma túy. Sau khi xong việc, H đưa cho T 2.000.000 đồng để thanh toán tiền thuê xe ô tô (hết 700.000 đồng) và trả công cho T.

Đến khoảng 07 giờ ngày 08/5/2024, H sử dụng tài khoản zalo tên "VITATCA" liên lạc nói T thuê xe và đón H ở khu vực chợ P, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh chở về tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Lúc này, T rủ Nguyễn Hoài E (sinh năm 2003, nơi ở: Hẻm I, đường P, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) đi cùng nhưng không nói cho Hoài E biết là đi đón H để lấy ma túy. Sau đó, T tiếp tục đi đến Công ty C4 thuê xe ô tô hiệu Toyota, loại Innova, biển số 72A-230.52 với giá 700.000 đồng và cùng với Hoài E đi đến quán nước ven đường (không nhớ tên quán) gần chợ P chờ H. Khi H tới thì T lái xe đưa H đến chợ P, xã P, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh, còn Hoài E ngồi tại quán nước chờ. Sau khi xong việc, Trường quay lại đón Hoài E. Trên đường về, H đưa cho T 01 gói thuốc lá hiệu 555 bên trong có ma túy để sử dụng, T cầm cất vào túi quần đang

mặc; H để 01 một hộp xốp (có chứa 01 gói ma túy) ở sàn xe, chỗ để chân nơi H đang ngồi (phía sau ghế tài xế) và nói với T khi về đến ngã ba H thuộc xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thì bỏ gói ma túy xuống ven đường rồi chụp ảnh gửi qua tài khoản zalo tên "HoaLaiNho" cho H biết và hẹn ngày 09/5/2024 sẽ trả công cho T 2.000.000 đồng. Sau đó, H xuống xe tại khu vực ngã tư A thuộc phường T, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi T chở Hoài E về đến cổng khu du lịch S thuộc phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai thì đổi cho Hoài E lái xe, còn T ngồi bên ghế phụ. Lúc này, T bỏ gói ma túy vào hộc cửa ghế phụ bên phải vị trí đang ngồi. Đến khoảng 22 giờ 50 phút cùng ngày, khi đi đến khu vực xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai thì bị cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang, thu giữ: 01 hộp xốp loại đựng cơm màu trắng, kích thước (19x12x6)cm bên trong có chứa 01 túi zip kích thước (15x9,5)cm chứa các hạt tinh thể màu trắng, không rõ hình dạng, nghi là ma túy; 01 bao thuốc hiệu 555 kích thước (9x5,5x2)cm bên trong có 01 túi zip kích thước (7x4)cm có các hạt tinh thể màu trắng, không rõ hình dạng, nghi là ma túy; 01 xe ô tô hiệu Toyota, loại Innova, biển số 72A-230.52; 01 điện thoại di động hiệu Iphone đã qua sử dụng, số Imei: 355315086356287, gắn sim số: 0936903929.

* Kết luận giám định số 993/KL-KTHS ngày 14/5/2024 của phòng K Công an tỉnh Đ về số ma túy thu giữ khi bắt quả tang Lê Xuân T, kết luận:

"- Mẫu tinh thể màu trắng (Ký hiệu M1) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 10,4075 gam *(mười phải bốn không bảy lăm gam),* loại: Methamphetamine.

- Mẫu tinh thể màu trắng (Ký hiệu M2) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 75,4101 gam *(Bảy mươi lăm phẩy bốn một không một gam),* loại: Methamphetamine."

Kết quả xét nghiệm chất ma túy: Lê Xuân T dương tính với ma túy loại Methamphetamine; Nguyễn Hoài E âm tính với ma túy

Tại Cáo trạng số 167/CT-VKS-P1 ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy" và "Vận chuyển trái phép chất ma túy",* quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 và điểm b khoản 3 Điều 250 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung 2017).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 199/2024/HS-ST ngày 17/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 249, điểm b khoản 3 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo: **Lê Xuân T** phạm tội ***"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*** và tội ***"Vận chuyển trái phép chất ma túy".***

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; điểm b khoản 3 Điều 250; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo: Lê Xuân T 06 (Sáu) năm 06 (S) tháng tù về tội ***"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*** và 16 (Mười sáu) năm 06 (Sáu) tháng ***về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy".*** Tổng hợp hình phạt hai tội là **23 (Hai mươi ba) năm tù**. Thời hạn tù được tính từ ngày 08/5/2024. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/9/2024, bị cáo Lê Xuân T có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Lê Xuân T thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu, nhưng cho rằng số ma túy 10,4075 gam Methamphetamine bị cáo được trả công cho việc vận chuyển ma túy nhưng bị cáo chưa hoàn thành việc vận chuyển này thì đã bị bắt nên số ma túy này chưa thuộc về bị cáo, do đó bị cáo không phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" mà chỉ phạm 01 tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy". Ngoài ra, bị cáo là lao động chính trong gia đình, chăm sóc 03 con nhỏ và cha mẹ già yếu. Từ đó, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Xuân T là Luật sư Vũ Duy N và Luật sư Võ Minh C2 thống nhất phát biểu ý kiến: Thống nhất về tội danh "Vận chuyển trái phép chất ma túy" như bản án sơ thẩm đã quy kết. Đối với tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", số ma túy 10,4075g Methamphetamine trong gói thuốc lá 555 là ma túy H trả công vận chuyển cho bị cáo, khi nào xong việc thì H mới trả ma túy và tiền cho bị cáo nhưng thực tế bị cáo chưa hoàn thành công việc theo thỏa thuận với H nên số ma túy này vẫn thuộc quyền quản lý của H, vì vậy bị cáo không phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" mà số ma túy này phải tính vào lượng ma túy bị cáo vận chuyển. Ngoài ra, bị cáo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, bị cáo là lao động chính, nuôi 3 con nhỏ, trong đó có 01 trẻ sinh năm 2023; Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác với cơ quan chức năng phát hiện tội phạm, nộp lại số tiền thu lợi bất chính. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo không phạm "Tàng trữ trái phép chất ma túy", áp dụng các tình tiết nêu trên và Điều 54 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Số lượng ma túy 10,4075g Methamphetamine chứa trong gói thuốc lá 555 bị bắt quả tang khi đang để trong túi quần của bị cáo, thuộc quyền quản lý của bị cáo, bị cáo cũng khai nhận số ma túy này do H trả công cho bị cáo sử dụng nên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" đối với lượng ma túy nêu trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo 06 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và 16 năm 06 tháng về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy", tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 23 năm tù, là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có cơ sở giảm hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Xuân T thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu nhưng cho rằng bị cáo không phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Tuy nhiên, căn cứ lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, với các biên bản hoạt động điều tra, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, qua đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở để xác định như sau:

[2.1] Trong tháng 4/2024, Lê Xuân T được một người phụ nữ tên H (không rõ nhân thân lai lịch) 02 lần thuê chở từ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đi lấy ma túy tại thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Tây Ninh, T được trả công 2.600.000 đồng và 01 gói ma túy đá (không xác định được khối lượng) để sử dụng. Đến ngày 08/5/2024, T tiếp tục được H thuê chở ma túy từ thành phố Hồ Chí Minh về tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, khi T đi đến đoạn đường thuộc quốc lộ E đi qua địa phận xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai, Lê Xuân T thì bị Tổ công tác của Phòng C5 Công an tỉnh Đ phát hiện bắt quả tang, thu giữ: 10,4075 gam ma túy, loại Methamphetamine Trường cất giấu để sử dụng và 75,4101 gam ma túy, loại Methamphetamine T vận chuyển thuê cho H.

[2.2] Với các hành vi trên, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Xuân T phạm tội *"Vận chuyển trái phép chất ma túy"* theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự

năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2.3] Bị cáo cho rằng số ma túy 10,4075g Methamphetamine chứa trong gói thuốc lá 555 bị cáo được trả công cho việc vận chuyển ma túy nhưng bị cáo chưa hoàn thành việc vận chuyển thì đã bị bắt nên số ma túy này chưa thuộc về bị cáo mà phải tính vào số lượng ma túy vận chuyển nên bị cáo không phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Tuy nhiên, hồ sơ vụ án thể hiện, bị cáo là người chỉ cho cơ quan điều tra thu giữ gói thuốc có chứa ma túy do H đưa cho bị cáo nêu trên, cho thấy bị cáo biết bên trong gói thuốc là ma túy. Trước lần phạm tội này, bị cáo đã nhiều lần vận chuyển ma túy cho H và được H trả công bằng ma túy và tiền, nên ý thức của bị cáo hiểu việc H đưa gói thuốc lá 555 nhằm trả công trước cho bị cáo. Hơn nữa, bị cáo đã cất gói thuốc 555 vào trong túi quần của bị cáo, còn gói ma túy cần vận chuyển thì bị cáo bỏ vào hộc cửa ghế phụ bên phải vị trí đang ngồi và bị cáo chỉ chụp hình gói ma túy này gửi cho H để hẹn trả tiền công. Như vậy, có cơ sở xác định 10,4075g Methamphetamine chứa trong gói thuốc lá 555 là của bị cáo tàng trữ để sử dụng, không phải ma túy do bị cáo vận chuyển nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" đối với 10,4075g Methamphetamine nêu trên là đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[3.1] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền và thống nhất quản lý các chất ma túy của nhà nước, không những gây khó khăn cho việc kiểm soát chất ma túy mà còn đe dọa nghiêm trọng đến an toàn, trật tự công cộng, sức khỏe con người và sự phát triển lành mạnh của xã hội, làm phát sinh các loại tội phạm và tệ nạn xã hội. Bị cáo nhận thức rõ hành vi tàng trữ và vận chuyển trái phép chất ma túy là trái pháp luật, tuy nhiên, vì vụ lợi mà bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội, cho thấy thái độ xem thường, bất chấp pháp luật nên cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3.2] Khi lượng hình, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự (đối với tội vận chuyển trái phép chất ma túy) và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như bị cáo thành khẩn khai báo, đã nộp tiền thu lợi bất chính, chưa có tiền án, tiền sự, có 03 con còn nhỏ, quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, từ đó xử phạt bị cáo 06 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và 16 năm 06 tháng về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy", tổng hợp hình phạt chung của

hai tội là 23 năm tù, là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ đặc biệt nào mới mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét nên kháng cáo của bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Xuân T cũng như đề nghị của người bào chữa, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Lê Xuân T phải chịu theo quy định pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Xuân T. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 199/2024/HS-ST ngày 17/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Tuyên xử:

[1] Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 249, điểm b khoản 3 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo: **Lê Xuân T** phạm tội ***"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*** và tội ***"Vận chuyển trái phép chất ma túy".***

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; điểm b khoản 3 Điều 250; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo: Lê Xuân T 06 (Sáu) năm 06 (S) tháng tù về tội ***"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*** và 16 (Mười sáu) năm 06 (Sáu) tháng ***về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy".*** Tổng hợp hình phạt hai tội là **23 (Hai mươi ba) năm tù**. Thời hạn tù được tính từ ngày 08/5/2024.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[2] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Lê Xuân T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Đồng Nai; (2)
- VKSND tỉnh Đồng Nai; (1)
- Công an tỉnh Đồng Nai; (1)
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai; (1)
- Cục THA DS tỉnh Đồng Nai; (1)
- Trại tạm giam CA tỉnh Đồng Nai; (1)
"Để tống đạt cho bị cáo"; (1)
- Lưu hồ sơ vụ án (1). VP 04, 15b. (PPC).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Nhựt Bình